

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tim, ông Nguyễn Trọng Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021; Thông báo sửa chữa bổ sung Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/TB-TA ngày 18/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1972.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thị tứ C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Ông Hàn Hải H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Đội 5, xã K, huyện K, Hải Dương.

3.2 Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đội 6, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3.3 Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thị tứ C, xã K, huyện K, Hải Dương.

(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do; những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn (anh Nguyễn Hồng N) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị K quen biết nhau chỉ khoảng hơn 10 ngày sau thì đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, Hải Dương vào tháng

9/2000. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh sống với nhau không được hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống về tình cảm cũng như về kinh tế dẫn đến đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm và xô sát; trong quá trình chung sống thì nhiều lần anh bị chị K cầm dao chửi bới, đuổi đánh, anh cũng đã cố gắng chịu đựng vì muốn giữ cuộc sống gia đình cho các con và cũng một phần vì anh là Chủ doanh nghiệp tư nhân nên muốn giữ uy tín với mọi người. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến năm 2018 thì do anh nghi ngờ chị K có quan hệ ngoài hôn nhân với 01 công nhân trong doanh nghiệp của anh nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân, anh và chị K sống cùng một thửa đất nhưng chị K ở nhà trên, anh ở nhà dưới. Việc chị K chửi bới, xúc phạm và đe dọa anh thì con trai lớn biết cụ thể và có nhiều người chứng kiến và anh cũng đã trích xuất clip trong camera của gia đình anh giao nộp cho Tòa án. Mặt khác, thời gian mặc dù chị K không có vai trò gì trong doanh nghiệp nhưng đã ép công nhân bộ phận chuyên môn trong doanh nghiệp của anh phải đưa hóa đơn cho chị K để chị K tự thu tiền chi tiêu cá nhân (*ông Hàn Hải Hiệp đã viết bản tường trình về vấn đề này và anh đã giao nộp cho Tòa án*), tiền thu từ các hợp đồng lắp đặt nước thì chị K tự ý thu, không lập hợp đồng và không nộp vào doanh nghiệp. Chị K gây sự, tạo sức ép với kế toán trong doanh nghiệp về vấn đề thu chi nhằm mục đích tự quản lý kinh tế nên rất nhiều người đã bỏ việc. Anh đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng chị K không những không nghe mà còn chửi bới, cầm dao đập cửa và cầm gậy sắt đập phá đồ đạc (*những nội dung này đều có video trong USB anh giao nộp*); chị K không quan tâm gì đến cuộc sống gia đình mà hoàn toàn anh phải đứng ra lo toan chi phí sinh hoạt, học tập cho các con. Do là mâu thuẫn vợ chồng, anh sợ ảnh hưởng đến doanh nghiệp nên chỉ chịu đựng mà không nhờ chính quyền địa phương hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng anh thì mọi người làm trong doanh nghiệp cũng như hàng xóm nơi anh ở đều biết rất rõ; cũng từ năm 2018 thì vợ chồng anh không còn quan tâm đến nhau, không còn quan hệ tình cảm; đến nay, anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị K.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân thì anh và chị K có 04 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 21/9/2001; Nguyễn Tiến T, sinh ngày 10/7/2003; Nguyễn Đức Anh T, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 29/10/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến Đ đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Tiến T, Nguyễn Đức Anh T; tự nguyện giao con chung là Nguyễn Mẫn N cho chị K nuôi dưỡng, anh tự nguyện không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trước khi kết hôn với anh thì chị K đã 01 lần kết hôn và có con riêng là cháu Phạm Thị Mai C, sinh ngày 18/12/1997. Khi kết hôn với chị K thì cháu Chinh mới được 03 tuổi, anh cũng nuôi cháu từ đó cho đến nay; cháu đã trưởng thành và là con riêng của chị K nên anh không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Vợ chồng anh sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Bị đơn (chị Vũ Thị K) đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên*

đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Hồng N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, Hải Dương vào tháng 9/2000. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng thì có phát sinh mâu thuẫn do anh N có quan hệ ngoại tình và giao du với bạn bè nghiện ma túy và vợ chồng mâu thuẫn với nhau về kinh tế. Chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N không nghe mà còn nhiều lần chửi bới, đánh đập chị. Do vợ chồng mâu thuẫn nên khoảng hơn 02 năm nay anh N tự ý sống ly thân và từ đó anh N không quan tâm gì đến con cái và gia đình. Nay anh N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh N và muốn vợ chồng chung sống cùng nhau để nuôi dạy con cái nên chị không đồng ý ly hôn. Tuy anh N là chủ doanh nghiệp nhưng chị là người trực tiếp thực hiện công việc thi công của doanh nghiệp, ngoại giao và cùng kế toán viết phiếu thu và làm hợp đồng nước với dân. 06 năm nay anh N trực tiếp thu tiền kinh doanh nước của dân, nhưng mấy năm gần đây anh N không trả Ngân hàng; thời gian gần đây khi có khách hàng đến làm hợp đồng nước nhưng vì anh N không có nhà nên chị làm hợp đồng và thu tiền sau đó chị đưa tiền cho anh N; việc anh N cho rằng chị tự ý thu là không đúng.

- *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân thì chị và anh N có 04 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 21/9/2001; Nguyễn Tiến T, sinh ngày 10/7/2003; Nguyễn Đức Anh T, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 29/10/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến Đ đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 3 con chung là cháu Nguyễn Tiến T, Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N. Nếu chị được nuôi cả 03 con chung thì chị yêu cầu anh N mỗi tháng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung 15.000.000đ/01 tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi để đảm bảo việc học chính quy và học thêm cho con. Theo chị được biết thì thu nhập của Công ty mỗi tháng khoảng 500.000.000đ.

Trước kia thì chị kinh doanh buôn bán hàng điện tử, điện lạnh; khi thành lập doanh nghiệp kinh doanh nước sạch thì chị vẫn tham gia việc kinh doanh cùng anh N; hiện nay gia đình chị có kinh doanh thêm nước đá sạch, anh N để chị thu mảng kinh doanh này, tuy nhiên không có khách hàng nên thu nhập không đáng kể, mỗi tháng chỉ khoảng 1.000.000đ.

Trước khi kết hôn với anh N thì chị đã 01 lần kết hôn và có con riêng là cháu Phạm Thị Mai Chinh, sinh ngày 18/12/1997; cháu đã trưởng thành và là con riêng của chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:* Nếu Toà án giải quyết ly hôn thì chị yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Chị sẽ có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, cung cấp tài liệu, chứng cứ để yêu cầu Toà án giải quyết và có trách nhiệm nộp đơn yêu cầu, tài liệu chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí cho Toà án trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày 09/4/2021. Nếu đến thời hạn trên chị không nộp đơn yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- Ủy ban nhân dân xã K, Kim Thành cung cấp: Anh N và chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn do chị K nghi ngờ anh N có quan hệ ngoại tình và vợ chồng bất đồng với nhau về kinh tế dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi cọ, có lúc xô sát với nhau

- Cháu Nguyễn Tiến Đ (con đẻ anh N, chị K) khai: Anh N và chị K phát sinh mâu thuẫn từ hơn 10 năm nay, nguyên nhân chính là do bất đồng về vấn đề kinh tế; cách đây 4 – 5 năm thì anh N, chị K thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau và đánh nhau. Theo cháu được biết thì cả anh N và chị K đều có mối quan hệ ngoài hôn nhân, do mâu thuẫn nên anh N và chị K đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, mỗi người ở riêng một nhà, ăn riêng và không quan tâm đến nhau.

- Ông Hàn Hải Hiệp và ông Phạm Văn Trọng (là công nhân của Doanh nghiệp tư nhân Nam K) khai: Trong cuộc sống giữa anh N và chị K xảy ra mâu thuẫn đã nhiều năm nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về chuyện làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên xúc phạm, đánh đập nhau. Từ năm 2018 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; về con chung, anh xác định nếu chị K có nguyện vọng muốn được nuôi con thì anh sẽ nuôi con chung là cháu Nguyễn Tiến T và tự nguyện giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không nhất trí mức cấp dưỡng chị K yêu cầu, vì hiện nay doanh nghiệp còn nợ Ngân hàng rất nhiều, việc kinh doanh khó khăn dẫn chậm thanh toán các khoản vay của Ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nên nhiều Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu doanh nghiệp thanh toán nợ tại Tòa án nhân dân huyện Kim Thành; anh nuôi con chung là cháu T, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con và anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung cho chị K đối với cháu T và cháu N mỗi cháu 5.000.000đ/01 tháng tính từ tháng 6/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật và của Tòa án;

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân, xử: Anh Nguyễn Hồng N được ly hôn chị Vũ Thị K.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 10/7/2003. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N về việc tự nguyện giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Anh T, sinh ngày 01/3/2015, cháu Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 29/10/2018 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và thực hiện cấp dưỡng đối với 02 con chung là Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N mỗi tháng 5.000.000đ/01 cháu. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N đối với cháu T, Nhi tính từ tháng 6/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hồng N và chị Vũ Thị K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/9/2000 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] *Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng công khai tại phiên tòa, có căn cứ xác định:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị anh N, chị K phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xúc phạm, xô sát nhau. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân (từ năm 2018 đến nay) vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, vẫn tiếp tục sống ly thân và cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn; vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau mặc dù đã được gia đình khuyên bảo; chị K cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị K

vắng mặt không có lý do, điều này không những thể hiện việc không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn không mong muốn hoà giải đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với chị K.

[4] *Về nuôi dưỡng, chăm sóc con chung*: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 21/9/2001; Nguyễn Tiến T, sinh ngày 10/7/2003; Nguyễn Đức Anh T, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 29/10/2018. Tại phiên tòa, anh N xác định cháu Nguyễn Tiến Đ đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Tiến T; tự nguyện giao con chung là cháu Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N cho chị K nuôi dưỡng. Chị K khi được Tòa án lấy lời khai cũng thể hiện nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 3 con chung. Xét thấy: Cháu Nguyễn Tiến Đ đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết, đối với cháu Nguyễn Tiến T có nguyện vọng được ở với anh N nên giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Đức Anh T và cháu Nguyễn Mẫn N còn nhỏ, hiện đang được chị K trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận sự tự nguyện của anh N, tiếp tục giao cho chị K trực tiếp nuôi con chung đối với cháu T, Nhi.

[5] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị K yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi con chung 15.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu này thì thấy: Anh N cũng phải thực hiện nghĩa vụ nuôi 01 con chung; Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng phù hợp để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì không có căn cứ chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng của chị K; cần chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị K phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là cháu Nguyễn Tiến T và sự tự nguyện của anh N về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 02 con chung là Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N, mức cấp dưỡng đối với mỗi con chung là 5.000.000đ/01 tháng.

Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung được giao theo bản án này và cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N được tính từ tháng 6/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

[6] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Nguyên đơn không yêu cầu; Bị đơn khi Tòa án lấy lời khai có yêu cầu nhưng không có đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu độc lập của mình trong thời hạn cam kết với Tòa án cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ; không có ý kiến, đề nghị gì khi Tòa án giao Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:* Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng N:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hồng N được ly hôn chị Vũ Thị K.
2. *Về nuôi dưỡng, chăm sóc con chung:* Giao cho anh Nguyễn Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 10/7/2003; giao cho chị Vũ Thị K được nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Anh T, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 29/10/2018.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hồng N về việc tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị K đối với 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N, mức cấp dưỡng đối với mỗi con chung là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng.

Thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung được giao theo bản án này và cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Hồng N đối với 02 con chung cháu Nguyễn Đức Anh T và Nguyễn Mẫn N tính từ tháng 6/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

4. *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Các đương sự đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí:* Anh Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001674 ngày 05/01/2021. (Anh N đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ).

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt Nguyên đơn, vắng mặt Bị đơn. Đã báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6; 7; 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện Kim Thành.
- + Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- + UBND xã N, Kim Thành.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa